

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Thẩm phán: + Ông Đinh Huy Lưỡng.
+ Bà Trần Thị Sâm.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 23/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình đã căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa:

Nguyên đơn: ông Trần Văn T1, sinh năm 1965; địa chỉ: phố B, phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1952; địa chỉ: phố Ph, phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1959; địa chỉ: xã Ph, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: phố H, phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Trần Văn Qu, sinh năm 1973; địa chỉ: phố H, phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Trần Thị Th, sinh năm 1975; địa chỉ: phố Ph, phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Trần Văn C, sinh năm 1977; địa chỉ: phố Ph, phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1967; địa chỉ: phố Ph, phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Nguyễn Kiên C, sinh năm 1958; địa chỉ: phố chợ Kh, phường Ph, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Ông Trần Văn T2, sinh năm 1963, không xác định được địa chỉ nơi cư trú, làm việc của ông Trần Văn T2.

- Ông Trần Văn T3, sinh năm 1970; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phố Ph, phường N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình; hiện nay không xác định được địa chỉ nơi ông Trần Văn T3 đang sinh sống, làm việc.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 07 tháng 10 năm 2021, ông Trần Văn T1 là nguyên đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 23/2021/QĐST-DS ngày 30/9/2021 để giải quyết vụ án theo quy định với lý do: đất khởi kiện là đất nông nghiệp tiêu chuẩn của vợ chồng ông T1 được giao theo quyết định 313 của tỉnh Ninh Bình. Bố ông (cụ Trần Văn Kh) chỉ là đại diện hộ gia đình nhận ruộng, không liên quan đến anh, chị, em ông T1 nhưng Tòa án vẫn đưa anh, chị, em ông T1 vào tham gia vụ án.

XÉT THẤY:

[1] Đơn kháng cáo của ông Trần Văn T1 nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T1, Hội đồng phúc thẩm nhận thấy:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Văn T1 trình bày: năm 1993 gia đình ông gồm có 3 khẩu là cụ Trần Văn Kh (bố ông), mẹ là cụ Nguyễn Thị B và ông T1 được giao ruộng theo Quyết định 313 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình là 5 sào 9 thước = 2.016m² đất nông nghiệp. Năm 2001 cụ Kh đã ký xác nhận chuyển số ruộng 10 thước của bà H cho ông T1. Ông đang sử dụng thì bà V chiếm dụng cho rằng năm 2003 bà V mua của cụ Kh. Ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị V trả lại diện tích 252m² đất nông nghiệp của ông T1 mà bà V đã chiếm dụng.

Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 07/2020/TLST-DS ngày 11/02/2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Vụ án được thụ lý theo thủ tục thông thường.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ.

Theo tài liệu do Ủy ban nhân dân phường N cung cấp thể hiện: tại thửa số 24, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính phường N lập năm 2003, có diện tích 276,3m², chủ sử dụng đất mang tên ông Kh.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24/6/2020 và ngày 14/6/2021, ông T1 xác nhận: cụ Trần Văn Kh chết năm 2005, cụ Nguyễn Thị B chết năm 2001. Cụ Kh và cụ B sinh được 05 người con, gồm: bà Trần Thị Ch, bà Trần Thị T, ông Trần Văn T2, ông Trần Văn T3 và ông T1. Năm 1973, cụ Kh chung sống với cụ Trần Thị

T sinh được 03 người con, gồm: ông Trần Văn Qu, bà Trần Thị Th, ông Trần Văn C.

Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình đã đưa các con của cụ Kh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu ông T1 cung cấp địa chỉ của ông Trần Văn T2, ông Trần Văn T3 nhưng ông T1 không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú, làm việc của ông T2, ông T3 và Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành thu thập, xác minh địa chỉ của ông T2, ông T3 nhưng không xác định được địa chỉ nơi cư trú, làm việc của ông Trần Văn T2, ông Trần Văn T3.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ việc giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trong trường hợp này, người khởi kiện có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của ông T1 là không có cơ sở để chấp nhận, Hội đồng phúc thẩm giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 23/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

[4] Tại phiên họp phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết kháng cáo: đề nghị Hội đồng phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 5 Điều 314, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 23/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Như vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc giải quyết kháng cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: do Hội đồng phúc thẩm giữ nguyên Quyết định sơ thẩm bị kháng cáo nên ông T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm (theo quy định khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T1.

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 23/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Văn T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0000654 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình; ông Trần Văn T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND TP Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS TP Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Phụng